

Phụ lục I
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY
TRƯỜNG MẦM NON HOÀNH SƠN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC 2024-2025

(Thời điểm báo cáo ngày 25 tháng 6 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung

- Tên trường: Trường mầm non Hoành Sơn
- Địa chỉ: TT Giao Thủy, Giao Thủy, Nam Định
- Web: <https://mnhoanhson.namdinh.edu.vn>
- Loại hình trường: Công lập
- Sứ mạng: “Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao”
- Tầm nhìn “ Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại”.
- Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.
- + Mục tiêu chung: Xây dựng nhà trường có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.
- Giá trị cốt lõi: “ Bền chí chuyên tâm – Học hành chăm chỉ”

1.1. Số liệu:

- Tổng số CB-GV-CNV: 29

Trong đó: CBQL: 03; GV: 25; NV: 1

+ Số lượng GV đạt chuẩn: 2, trên chuẩn: 27 (Trình độ CB-GV: 27 đại học, 02 Cao đẳng)

1.2. Quá trình hình thành và phát triển:

Thị trấn Giao Thủy chính thức được thành lập vào tháng 9/2024 sau khi sáp nhập từ Thị trấn Ngô Đồng, xã Hoàn Sơn và xã Giao Tiến. Đây là một đơn vị hành chính mới, nằm ở vị trí chiến lược với ranh giới như sau: Phía Đông giáp xã Hồng Thuận, Bình Hòa, Giao Hà; Phía Tây giáp huyện Xuân Trường; Phía Nam giáp các xã Giao Châu, Giao Nhân, Giao Tân, Giao Yên; Phía Bắc giáp huyện Xuân Trường và tỉnh Thái Bình.

Với tổng diện tích tự nhiên 17,33 km², Thị trấn Giao Thủy có quy mô dân số 36.549 người, phân bố trong 11.046 hộ gia đình. Sự kiện sáp nhập này mở ra nhiều cơ hội phát triển kinh tế - xã hội, hứa hẹn một diện mạo đô thị khang trang, hiện đại hơn trong tương lai.

Đảng bộ Thị trấn Giao Thủy có 1.436 đảng viên, sinh hoạt ở 39 chi bộ, gồm 25 chi bộ tổ dân phố, 09 chi bộ trường học và 03 chi bộ Trạm y tế; 1 chi bộ công an, 1 chi bộ quân sự. Thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước, phát huy truyền thống của quê hương Giao Thủy, Đảng bộ, chính quyền Thị trấn Giao Thủy đã quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo các chính sách của Đảng, Nhà nước vào thực tiễn, luôn coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng đảng là then chốt, gắn liền với những giá trị văn hóa truyền thống, tinh thần đại đoàn kết toàn dân để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm an ninh quốc phòng; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, đồng thời xây dựng cơ sở hạ tầng tạo bộ mặt nông thôn ngày một khang trang. Với những hướng đi tích cực có hiệu quả, năm 2024 Thị trấn Giao Thủy được và UBND huyện Giao Thủy chọn là một trong những địa phương của huyện triển khai thực hiện việc sắp xếp sáp nhập đầu tiên của huyện Giao Thủy giai đoạn 2020-2025.

Trong những năm đầu tiên sau sáp nhập Đảng bộ và nhân dân Thị trấn Giao Thủy đã tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học, cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp giáo dục hiện nay. Ngành Giáo dục Thị trấn Giao Thủy tiếp tục đạt được những kết quả phấn khởi như chất lượng giáo dục ổn định và phát triển bền vững.

Trên địa bàn Thị trấn có 9 trường học: 03 trường Mầm non, 03 trường Tiểu học, 03 trường THCS. Những năm gần đây các trường THCS, Tiểu học và Mầm non đều được đánh giá là đơn vị tiên tiến và xuất sắc.

- Tên hiệu trường hiện nay: Phạm Thị Nhung; SĐT 09850391333; Email: mnhoanhson2021@gmail.com.

- Hiện nay trường được xây dựng khang trang với 06 phòng chức năng: phòng hội đồng, phòng hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính, phòng y tế, ... có 01 nhà xe giáo viên; có công trình vệ sinh giáo viên và học sinh đảm bảo theo yêu cầu; trường có sử dụng hệ thống nước sạch.

- Tổ chức bộ máy nhà trường: được chia làm 04 tổ gồm: Tổ Văn phòng, tổ mẫu giáo, tổ nhà trẻ và tổ nuôi dưỡng gồm 29 cán bộ giáo viên nhân viên.

+ Tổng số học sinh toàn trường là 408 gồm 14 lớp: Khối nhà trẻ là: 71 học sinh ; Khối mẫu giáo 3 tuổi là: 94 học sinh; Khối mẫu giáo 4 tuổi: 104 học sinh; Khối mẫu giáo 5 tuổi là: 139.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:

1. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29			27	2				1	24	4	4	25		
I	Giáo viên	25			22	2					20	4	2	23		
1	Nhà trẻ	6			5	1					6		1	5		
2	Mẫu giáo	19			18	1	0				14	4	1	18		
II	Cán bộ quản lý	3			3						2	1	2			
1	Hiệu trưởng	1			1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2		1	1		
III	Nhân viên	1			1	0	0	0						1		
1	Nhân viên văn thư															
2	Nhân viên kế toán	1			1									1		
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế															
5	Nhân viên															
..	..															

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

- CBQL: Đồng chí Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được cấp trên đánh giá chuẩn nghề nghiệp mức độ Tốt

- Giáo viên: 25 đồng chí giáo viên đạt loại tốt đạt tỉ lệ: 2/25 ~8%; 23 đồng chí đạt loại khá.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

3. Cơ sở vật chất- diện tích đất, thiết bị dạy học

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14	1,5 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	5919,1 m ²	12,6m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	447,2m ²	9,6 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	630,0m ²	1,5m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	m ² /trẻ em
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	104 m ²	2.9m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	211 m ²	0,6m ² /trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	47,52 m ²	1,2m ² /trẻ em
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	137,5 m ²	0,33 m ² /trẻ em
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	14	1 bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	14	bộ/nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	bộ/nhóm (lớp)
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	10	10 bộ/sân chơi (2 khu trường)

IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	0	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	...		

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6 m ²				
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
..		

IV: KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

Trường mầm non Hoàn Sơn đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường mầm non Hoàn Sơn đã tự đánh giá chất lượng giáo dục, để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận Chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, trường Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Trong các năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và

nộp báo cáo tự đánh giá về bộ phận khảo thí Phòng GD&ĐT; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường mầm non Hoàn Sơn đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá với đầy đủ các thành phần: Cấp ủy Chi bộ, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 2 và đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1. Nhà trường đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu cơ sở vật chất trường chuẩn Quốc gia, chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn. Theo lộ trình, nhà trường đã làm hồ sơ hồ sơ, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và đã được Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận lại trường Chuẩn quốc gia, trường Xanh- Sạch- Đẹp- An toàn, vào tháng 5/2025 sắp tới.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		<i>Mức 1</i>	<i>Mức 2</i>	<i>Mức 3</i>
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		X	x	
Tiêu chí 1.2		X	x	
Tiêu chí 1.3		X	x	
Tiêu chí 1.4		X	x	x
Tiêu chí 1.5		X	x	
Tiêu chí 1.6		X	x	x

Tiêu chí 1.7		X	x	
Tiêu chí 1.8		X	x	
Tiêu chí 1.9		X	x	
Tiêu chí 1.10		X	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 1.1		X	x	x
Tiêu chí 2.2		X	x	
Tiêu chí 2.3		X	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X		
Tiêu chí 3.2		X	x	
Tiêu chí 3.3		X	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	x	x
Tiêu chí 4.2		X	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	x	
Tiêu chí 5.2		X	x	x
Tiêu chí 5.3		X	x	x
Tiêu chí 5.4		X	x	
Cộng		22	21	6

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá theo Mức 4

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1, Khoản 1, Điều 22		x	
Tiêu chí 2, Khoản 2, Điều 22		x	
Tiêu chí 3, Khoản 3, Điều 22		x	
Tiêu chí 4, Khoản 4, Điều 22		x	
Tiêu chí 5, Khoản 5, Điều 22		x	
Tiêu chí 6, Khoản 6, Điều 22		x	

Kết quả: Không đạt Mức 4

Kết luận chung: Trường đạt Mức 2

2. Kế hoạch cải tiến.

3.1. Năm học 2024-2025

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính;

Tích cực đổi mới công tác dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao năng lực cá nhân từng học sinh. Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên, chú trọng việc tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên và bồi dưỡng nâng cao năng lực;

Tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành đầu tư thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đáp ứng yêu cầu trường chuẩn Quốc gia (cấp độ 2) và để đảm bảo đáp ứng dạy và học cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục khác; xây dựng thêm phòng giáo dục thể chất đáp ứng nhu cầu và các điều kiện cho dạy và học, từng bước đầu tư trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới;

Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Thực hiện hiệu quả đổi mới chương trình giáo dục.

2.2. Nội dung thực hiện những năm tiếp theo:

Tiếp tục quan tâm bồi dưỡng đội ngũ, phát huy vai trò nòng cốt để nhân rộng tấm gương điển hình nhằm phát huy năng lực của người dạy. Tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng chuẩn, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học.

Đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các chế độ chính sách cho học sinh.

Tiếp tục tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành sớm hoàn thiện thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đảm bảo để duy trì trường chuẩn.

Phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng và cha mẹ học sinh vào tất cả các hoạt động của nhà trường để nâng cao chất lượng. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh.

V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh:

- Số hs tuyển sinh đầu cấp (lớp 1): 139 học sinh

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2024-2025

2.1: Cam kết chất lượng:

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	403			57	93	130	123
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							

3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	403			57	93	130	123
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	403			57	93	130	123
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	403			57	93	130	123
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	403			57	93	130	123
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	403			57	93	130	123
1	Số trẻ cân nặng bình thường	398			57	93	127	121
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân							
3	Số trẻ có chiều cao bình thường							
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi							
5	Số trẻ thừa cân béo phì	5					3	2
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	403			57	93	130	123
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ							
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo							

2.2: Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường:

Năm học 2023 - 2024

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung		Nhà trẻ	Mẫu giáo
-----	----------	--	---------	----------

		Tổng số trẻ em	3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	408			71	94	104	139
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	408			71	94	104	139
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập						1	
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	408			71	94	104	139
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	408			71	94	104	139
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	408			71	94	104	139
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	408			71	94	104	139
1	Số trẻ cân nặng bình thường	406			71	93	104	138
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân							
3	Số trẻ có chiều cao bình thường							
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi							
5	Số trẻ thừa cân béo phì	2				1		1
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	408			71	94	104	139
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ							
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo							

VI: KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai quyết toán ngân sách và các khoản thu năm 2024:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Nghị định số 163/2016/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

1. Nội dung công khai tài chính gồm:

- Thông báo công khai quyết toán thu chi NSNN năm 2024
- Thông báo công khai dự toán thu chi NSNN năm 2024
- Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý, 6 tháng đầu năm.
- Thông báo công khai danh sách học sinh được hỗ trợ CPHT, miễn giảm học phí
- Thông báo công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm
- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm

2. Số liệu công khai tài chính cụ thể như sau:

a. Các khoản thu phân theo:

-1 Dự toán ngân sách NN: 4.235.369.000 đồng.

²~~(~~Trong đó NSNN thường xuyên là: 4.022.493.000 đồng, NSNN không thường xuyên là:
₀204.876.000 đồng, Dự toán NSNN bị hủy là: 8.000.000 đồng),

-⁴Thu học phí: 268.110.000đ (Trong đó nguồn CCTL là : 162.756.000đ)

- Thu khác: 2.421.697.616 đồng

b. Các khoản chi phân theo cụ thể như sau:

- Chi lương, PC lương, thu nhập và các khoản đóng góp theo lương: 3.939.746.900 đ

- Khoản thu học phí để tạo nguồn CCTL: 162.756.000đ
- Chi tiền khen thưởng: 125.696.000đ
- Chi tăng cường cơ sở vật chất và các khoản dịch vụ...: 2.421.697.616 đồng
- Chi thuê mướn: 32.400.000 đồng
- Chi nộp thuế TNDN: 8.147.500 đồng

c. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học.

C.1. ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CPHT VÀ HỖ TRỢ TIỀN ĂN TRƯA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

A. Đối tượng được miễn học phí: 01 học sinh, với số tiền là: 360.000 đồng

STT	Họ và tên	Lớp	Số tháng được hỗ trợ	Mức được miễn	Số tiền được miễn	Ghi chú
1	Phạm Gia Phát	C4	4	90.000	360.000	Khuyết tật
Cộng					360.000đ	

B. Đối tượng được giảm 50% học phí: 0 học sinh

C. Đối tượng được giảm 70% học phí: 0 học sinh

D. Đối tượng được hỗ trợ CPHT: 01 học sinh, với số tiền là: 600.000 đồng

STT	Họ và tên	Lớp	Số tháng được hỗ trợ	Mức được hỗ trợ	Số tiền được miễn	Ghi chú
1	Phạm Gia Phát	C4	4	150.000	600.000	Khuyết tật
Cộng					600.000đ	

E. Đối tượng được hỗ trợ tiền ăn trưa: 01 học sinh, với số tiền là: 640.000 đồng

STT	Họ và tên	Lớp	Số tháng được hỗ trợ	Mức được miễn	Số tiền được miễn	Ghi chú
1	Phạm Gia Phát	C4	4	160.000	640.000	Khuyết tật
Cộng					640.000đ	

**C.2. ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CPHT VÀ HỖ TRỢ TIỀN
ĂN TRƯA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025**

A. Đối tượng được miễn học phí: 01 học sinh, với số tiền là: 450.000 đồng

STT	Họ và tên	Lớp	Số tháng được hỗ trợ	Mức được miễn	Số tiền được miễn	Ghi chú
1	Phạm Gia Phát	C4	5	90.000	450.000	Khuyết tật
Cộng					450.000đ	

B. Đối tượng được giảm 50% học phí: 0 học sinh

C. Đối tượng được giảm 70% học phí: 01 học sinh, với số tiền là: 315.000 đồng

STT	Họ và tên	Lớp	Số tháng được hỗ trợ	Mức được giảm	Số tiền được giảm	Ghi chú
1	Ngân Minh Khôi	D3	5	63.000	315.000	Trẻ thuộc vùng khó khăn
Cộng					315.000đ	

D. Đối tượng được hỗ trợ CPHT: 02 học sinh, với số tiền là: 1.500.000 đồng

STT	Họ và tên	Lớp	Số tháng được hỗ trợ	Mức được hỗ trợ	Số tiền được miễn	Ghi chú
1	Ngân Minh Khôi	D3	5	150.000	750.000	Trẻ thuộc vùng khó khăn
2	Phạm Gia Phát	C4	5	150.000	750.000	Khuyết tật
Cộng					1.500.000đ	

E. Đối tượng được hỗ trợ tiền ăn trưa: 02 học sinh, với số tiền là: 1.600.000 đồng

STT	Họ và tên	Lớp	Số tháng được hỗ trợ	Mức được miễn	Số tiền được miễn	Ghi chú
1	Ngân Minh Khôi	D3	5	160.000	800.000	Trẻ thuộc vùng khó khăn
2	Phạm Gia Phát	C4	5	160.000	800.000	Khuyết tật
Cộng					1.600.000đ	

VII: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

1. Công tác triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM

1.1. Việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- Triển khai Công văn của Sở GDĐT Nam Định về việc Hướng dẫn thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM trong nhà trường phổ thông năm học 2024-2025.

- Thực hiện sự chỉ đạo của Phòng Giáo dục ĐT Giao Thủy nhà trường đã tập huấn về chuyên môn cho tất cả các giáo viên ngay từ đầu năm. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Giúp HS tự tìm tòi phát hiện và tìm ra kiến thức cần nắm vững, tích cực sử dụng thiết bị dạy học góp phần đem lại hiệu quả dạy học.

- Sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu nội dung bài giảng, tập trung thảo luận các chuyên đề, nội dung khó của môn học hoặc những phương pháp dạy học, cách thức tổ chức lớp học hiệu quả cho các nội dung đó. Chỉ đạo tổ chuyên môn lồng ghép nội dung này trong sinh hoạt cụm, chuyên đề các cấp.

* *Những tồn tại hạn chế:* Một số giáo viên còn chưa tích cực đổi mới kiểm tra đánh giá, chủ yếu ở các giáo viên có tuổi. Vì vậy còn ảnh hưởng đến chất lượng nói chung.

2.1.1. Công tác giáo dục STEM

** Công tác chỉ đạo.*

- Nhằm thúc đẩy việc triển khai công tác giáo dục về STEM trong chương trình GDPT mới, thời gian qua, nhà trường đã lan tỏa chương trình tập huấn STEM cho GV. Chương trình tập huấn nhằm cung cấp cho giáo viên phương pháp hỗ trợ học sinh nâng cao kiến thức chuyên môn và liên môn, phát triển tư duy, kỹ năng làm việc nhóm cũng như cá nhân trong quá trình học tập.

- Xây dựng Kế hoạch ngay từ đầu năm cho tổ chuyên môn. Yêu cầu mỗi giáo viên lập kế hoạch bộ môn có sự phê duyệt của BGH.

* *Những tồn tại hạn chế:* Còn một số bộ phận GV ngại đổi mới chưa mạnh dạn thực hiện triển khai công tác này.

2. Công tác Giáo dục đạo đức lối sống

** Công tác chỉ đạo.*

Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tham gia giao thông một cách an toàn không để xảy ra tình trạng vi phạm. Công trường không để ùn tắc, bán hàng, tụ tập đông

người. Xây dựng Kế hoạch cụ thể trong năm học, ký kết giao ước các đợt cao điểm trong năm.

- Tích cực tuyên truyền nội dung này cho GV và HS. Lồng ghép nội dung đạo đức, lối sống trong các tiết học có hiệu quả.

- **Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua không có tình trạng HS bị thương tích vì tai nạn giao thông.

**Những tồn tại hạn chế:* Một số phụ huynh còn chưa ý thức cao trong việc nhắc nhở phối hợp cho HS khi tham gia giao thông.

3. Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh

** Công tác chỉ đạo.*

Giáo dục cho HS niềm yêu lao động và ý thức đúng đắn với nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn của địa phương. Đổi mới nội dung và phương thức GD như cho HS tăng cường hoạt động trải nghiệm...Lồng ghép thông qua việc dạy tích hợp với các bài dạy ở tất cả các bộ môn.

** Kết quả đã đạt:* Cơ bản trang bị cho HS những kiến thức kỹ năng lao động cần thiết khi HS hết 5 tuổi có thể tham gia lao động sản xuất.

** Những tồn tại hạn chế:* Việc tuyên truyền nội dung này còn chưa sâu rộng. Nội dung giảng dạy còn chưa đa dạng.

4. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

** Công tác chỉ đạo.*

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

** Kết quả đã đạt:* Đảm bảo đủ các loại hồ sơ, đảm bảo tính pháp lý, cập nhật thông tin thường xuyên.

** Những tồn tại hạn chế:* Do tình trạng tinh giản nên việc dồn bộ phận phụ trách còn chồng chéo công việc, không chuyên sâu ảnh hưởng khó khăn trong công tác chỉ đạo

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của trường mầm non Hoàn Sơn nhà trường công khai đến Lãnh đạo, Cha mẹ học sinh, đội ngũ CB-GV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2025-2026.

Nơi nhận

- Đăng trên trang web đơn vị;
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



**HIỆU TRƯỞNG
PHẠM THỊ NHUNG**

